

Bản án số 398/2023/HS-PT

Ngày 31/5/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Mai Anh Tài.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1250 /2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Ngọc N, Nguyễn Văn S, do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 468/2022/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

1. Lê Ngọc N, sinh năm 1969; nơi ĐKKHKT: thôn P, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi ở: số nhà A, phố T, phường L, thị xã S, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn M và bà Dương Thị C (đều đã chết); có vợ là Đặng Thị Bích L và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/03/1990, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 12 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản công dân”, tổng hợp hình phạt chung là 24 tháng tù cho cả hai tội; bị cáo bị bắt bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Nguyễn Văn S (tên gọi khác: L1), sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; nơi ở: số nhà F, phố C, phường S, thị xã S, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị V; có vợ là Vũ Thị Hải Y và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh

năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/06/2014 bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng về hành vi mua dâm; ngày 17/03/2015 bị Công an thị xã S xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 09/02/2017 bị Công an thị xã S xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; ngày 23/03/2017 bị Công an thị xã S xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; ngày 06/09/2017 bị Công an thị xã S xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/10/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc N:* Luật sư Kiều Văn L2 - Văn phòng L3, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S:* Luật sư Lương Huy H1, Nguyễn Văn P - Công ty L4, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

** Người bị hại:* Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội (đã chết).

** Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1967; *Người đại diện theo ủy quyền của bà T2:* Anh Nguyễn Đỗ Q, sinh năm 1966; cùng trú tại: thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, được triệu tập:*

1. Anh Nguyễn Đỗ Q, sinh năm 1996; trú tại: thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; có mặt.
2. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1998; : thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; có mặt.
3. Bà Đặng Thị Bích L, sinh năm 1973; địa chỉ: số nhà A phố T, phường L, thị xã S, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Đỗ T3 có quen biết với anh Kiều Duy C1 là Thẩm phán của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Khoảng 16 giờ ngày 05/10/2021, ông T3 gọi điện thoại rủ anh C1 đến bếp ăn tại trụ sở Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Phúc Thọ. Anh Chính đồng ý và rủ thêm hai người bạn là anh Kiều Anh T4 cùng anh Nguyễn Anh D tham gia. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi anh C1 đến trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ thì gặp anh Nguyễn Đức T5 là Phó Viện trưởng VKSND huyện Phúc Thọ

đang trực tại trụ sở nên anh C1 mời anh T5 liên hoan cùng. Tham gia buổi liên hoan còn có ông Ngô Văn C2 (là bạn của ông T3), anh Nguyễn Thành T6 và anh Lưu Văn K (là cán bộ VKSND huyện Phúc Thọ). Do trước đó, anh T5 đã hẹn liên hoan với Lê Ngọc N nên khi ngồi liên hoan, anh T5 gọi điện thoại cho N để khát hẹn. Do ông T3 cũng quen biết N nên khi thấy anh T5 điện thoại cho N, ông T3 đã mượn điện thoại của anh T5 và mời N đến trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ tham dự liên hoan cùng. Tiếp theo, ông T3 còn gọi cho bạn là anh Nguyễn Văn T7 (tên gọi khác là T7 “đá”, sinh năm 1973; trú tại thôn T, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội) và chị Triệu Thị Đ là bạn gái của anh T7 “đá” cùng tham dự. Tất cả ăn uống đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì anh Nguyễn Văn T7 (Phó Viện trưởng VKSND huyện Phúc Thọ) nghỉ trước và vào ngủ tại phòng ngủ trong trụ sở. Sau đó, anh Kiều Duy C1 cũng đứng dậy ra về, còn lại ông Nguyễn Đỗ T3, ông Ngô Văn C2, anh Kiều Anh T4, anh Nguyễn Anh D, anh Nguyễn Thành T6, anh Lưu Văn K, Lê Ngọc N, anh Nguyễn Văn T7 và chị Triệu Thị Đ tiếp tục ngồi liên hoan uống rượu. Lúc này, ông T3 mời N uống một chén rượu nên anh K ngồi cạnh ông T3 rót rượu cho ông T3. N thấy chén rượu của ông T3 có màu nhạt hơn chén rượu của mình, cho rằng anh K rót nước lã cho ông T3, còn mình phải uống rượu nên N đứng dậy chửi anh K: *“Tại sao mày rót nước lọc cho ông T3, ông T3 có phải bố mày không, mày có biết bố mày là ai không”*. Anh K nói: *“Cháu rót rượu từ bát rượu, không phải nước lọc”* và khoanh tay xin lỗi N. Được mọi người can ngăn, N không chửi anh K nữa và ngồi xuống tiếp tục liên hoan. Nhưng khi mọi người không để ý, N cầm chén rượu của mình ném trúng vào trán anh K. Thấy vậy, anh Tâm can n đẩy anh K ra khỏi khu vực bếp ăn. Anh T7 “đá” thấy N có thái độ như vậy nên đã dùng tay phải nắm vào má trái của N. Lúc này mọi người lao vào can ngăn N và anh T7 “đá” không cho đánh nhau rồi tất cả giải tán đi về.

N cùng anh T7 “đá” và chị Đ ra cổng trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ lấy xe ô tô đi về. Còn ông T3 và anh C2 ra lấy xe ô tô để đổi điện cổng trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ. Anh T4 và D đi cửa ngách sang trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ lấy xe máy đi về. Anh T6 vào gọi anh K sang phòng đi ngủ, còn anh T6 vào phòng bảo vệ trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ ngồi chơi.

Khi Lê Ngọc N lấy xe ô tô hiệu Ford Ranger màu cam, biển kiểm soát 29C-87145 của mình đi từ sân VKSND huyện Phúc Thọ ra phía Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ được một đoạn thì quay xe ô tô lại và dừng xe để xuống gặp ông T3 nói chuyện. N nói với ông T3: *“Anh gọi T7 (đá) quay lại xin lỗi, anh mà không gọi thằng em anh ra đây thì em gọi người xuống làm việc anh đừng có trách”*, ông T3 trả lời: *“Việc này của hai đứa bay, anh chịu”*. Lúc này, do bức tức về việc bị anh T7 “đá” đánh nên N đã gọi điện thoại cho con nuôi tên là Nguyễn Văn S và nói: *“Bố đang va chạm đánh nhau, con cho anh em xuống”*. S hỏi N đang ở đâu thì N trả lời: *“Đang ở Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ”*. S hiểu ý của N là muốn S đi đến giúp N đánh nhau nên đã đồng ý. Lúc này, S và chị Vũ Thị Hải

Y là vợ S đang liên hoan tại nhà của anh Chu Văn T8 tại số nhà I phố C, phường S, thị xã S, thành phố Hà Nội; S đã đứng dậy chở vợ về nhà rồi đi đến VKSND huyện Phúc Thọ để giúp N. Khi đi, S cầm theo 01 thanh đao tự chế bằng kim loại sáng màu (dài 105cm, chuôi đao bằng ống tuýp đường kính 02cm, lưỡi đao bản rộng 10cm dài 37cm, phần mũi đao vát nhọn) bọc trong 01 cái áo rồi gọi điện cho anh Lê Anh T9 là lái xe ô tô taxi đến đón. Anh T9 điều khiển xe ô tô taxi hiệu Hyundai i10 biển kiểm soát 30A-84480 đến đón S. Khi lên xe, S đặt con đao trên sàn xe, ghế sau. Trên đường đi, S hỏi vị trí của N được N hướng dẫn đường đi đến trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ.

Cùng thời điểm trên, anh Ngô Văn C2 và ông Nguyễn Đỗ T3 khi ra trước cổng trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ để lấy xe thì gặp Lê Ngọc N. N và ông T3 đứng lại nói chuyện với nhau phía trước đầu xe ô tô của N, rồi kéo nhau ra ngồi mép vỉa hè chệch đối diện cổng trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ. Cả hai người mặt hướng ra lòng đường, N ngồi phía bên phải của ông T3. Còn anh C2 đi vào sân VKSND huyện Phúc Thọ để nói chuyện với bảo vệ. Khi anh Lê Anh T9 lái xe ô tô taxi chở S đến gần khu vực cổng VKSND huyện Phúc Thọ thì S thấy N và ông T3 ngồi với nhau. S bảo anh T9 đỗ xe cách khoảng 40m, quan sát thấy chỉ có ông T3 và thấy ông T3 đã nhiều tuổi nên S thấy không cần phải dùng đến thanh đao để giải quyết mâu thuẫn của N. S để thanh đao trên xe ô tô và xuống xe, đi bộ đến gần chỗ ông T3 và N đang ngồi. Thấy S đến, N vẫn đang tức ông T3 vì việc không gọi anh T8 “đá” quay lại gặp N nên N đánh mắt, chỉ ngón tay trỏ bàn tay phải về phía ông T3 ra hiệu cho S đánh ông T3. S hiểu ý của N nên đi thẳng đến đứng trước mặt ông T3, dùng chân phải đá thẳng 01 phát trúng mặt của ông T3 làm ông T3 ngã ngửa người trên vỉa hè. S nhảy lên vỉa hè, dùng chân phải liên tiếp đạp, đá nhiều lần vào đầu, mặt ông T3 đến khi thấy ông T3 bất tỉnh mới thôi, vừa đánh S vừa chửi ông T3: “Đ.mẹ ông, ông lão với bố tôi à”, Lúc này anh Ngô Văn C2 thấy ồn ào nên chạy ra hiện trường thì thấy S đã đánh ông T3 ngã nên chạy đến nói với N: “Tại sao lại đánh ông T3”, N trả lời: “Ông T3 bị ngã chứ tôi không đánh anh T3”. S chửi ông T3: “Đ.mẹ thằng này già vờ”. Anh C2 thấy ông T3 bị ngã và bất tỉnh nên nói với N và S: “Tóm lại các anh phải đưa ông T3 đi viện” nên S và N bế ông T3 lên xe ô tô của N rồi đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa thị xã S. Sau đó, N gọi điện thoại cho con trai là Lê Quốc C3 đến bệnh viện để chở mình về. Khi anh C3 đi xe máy hiệu SH màu đen, biển kiểm soát 29V3-458.47 đến bệnh viện, N bảo anh C3 chở S về trước và dặn S tắt điện thoại đi. Lúc này, gia đình ông T3 được thông báo nên đã đến Bệnh viện và giữ chiếc xe ô tô Ford Ranger, biển kiểm soát 29C-87145 của N lại. Một lúc sau, anh C3 nhờ người đi xe ô tô chở anh C3 đến bệnh viện đón N lên xe đi về. Trên đường về, N đi qua nhà S và bảo S bật điện thoại lên để N còn liên lạc.

Hậu quả: ông Nguyễn Đỗ T3 bị Nguyễn Văn S dùng tay, chân đánh bị thương tích quá nặng nên đến ngày 07/10/2021 đã tử vong tại nhà ông T3 ở thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 951/GĐTT-TTPY ngày 26/10/2021 của Trung tâm P1 - Sở Y1 kết luận về nguyên nhân chết của ông Nguyễn Đỗ T3: Nạn nhân Nguyễn Đỗ T3, sinh năm 1965 tử vong do: Chấn thương sọ não rất nặng (đập não, dập cầu não, dập tiểu não) gây chảy máu lan tỏa màng mềm, tụ máu đáy não, tụ máu trong não thất dẫn đến suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục...”.

Ngày 06, 07/10/2021, Lê Ngọc N và Nguyễn Văn S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, thành phố Hà Nội bắt giữ về hành vi Giết người.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội. Lê Ngọc N không khai nhận hành vi phạm tội. N khai: Việc N điện thoại gọi S đến hiện trường để đưa N về, do N sợ khi ra khỏi công trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ bị anh Nguyễn Văn T7 (tên gọi khác T7 “đá”) chặn đánh tiếp nên S đến là để có thêm người đưa N về cho an toàn. Tuy nhiên căn cứ lời khai nhận tội của S và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định N là người chỉ đạo S thực hiện hành vi giết ông Nguyễn Đỗ Tỵ .

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, anh Nguyễn Đỗ Q (sinh năm 1996; trú tại thôn B, xã V, huyện P, Hà Nội; là con trai của ông Nguyễn Đỗ T3) đề nghị xử lý các bị can theo quy định của pháp luật và yêu cầu được bồi thường số tiền 754.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 468/2022/HSST ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc N và Nguyễn Văn S (L1) phạm tội “Giết người”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Ngọc N tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2021.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn S (L) Tử hình. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự, buộc Lê Ngọc N, Nguyễn Văn S phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị T2 (người đại diện hợp pháp của người bị hại) do anh Nguyễn Đỗ Q là đại diện theo uỷ quyền số tiền 309.000.000 đồng. Chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 154.500.000 đồng. Xác nhận gia đình bị cáo N nộp số tiền 100.000.000 đồng tại Cục thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền số 0065599 ngày 15/11/2022.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/11/2022, bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 23/11/2022, bà Nguyễn Thị T2 là người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường đối với bị cáo Lê Ngọc N.

Ngày 24/11/2022, bị cáo Lê Ngọc N kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn S (L1) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết và quyết định, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Ngọc N khai chỉ gọi điện thoại cho S để S xuống đưa N về cho an toàn, không nói, không đánh mắt, không chỉ tay về phía ông T3, khi S đến là đánh ông T3 ngay bị cáo không kịp can ngăn, ngay sau đó bị cáo đã đưa ông T3 đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Giết người” là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên lời sau cùng bị cáo không kêu oan về tội “Giết người”, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo S tại phiên tòa hôm nay thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Ngọc N Tù chung thân, bị cáo Nguyễn Văn S Tử hình về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan như bị cáo N nêu ra, không nặng đối với bị cáo S. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo.

Đối với kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại thì thấy bị cáo S trực tiếp đá, đập người bị hại dẫn đến tử vong, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo S mức hình phạt Tử hình, bị cáo N Tù chung thân là phù hợp, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Lê Ngọc N, Nguyễn Văn S phải liên đới bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền 309.000.000 đồng. Chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 154.500.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của đại diện người bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra nhưng chưa đánh giá đúng, chính xác lời khai của người làm chứng vì có lời khai mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T7, về thời điểm N gọi điện thoại cho S, chưa làm rõ nội dung cuộc gọi N gọi cho S. Trước khi S xuất hiện thì N, T3 đang ngồi nói chuyện bình thường theo lời khai của các nhân chứng S1, C2. Sự việc S đánh ông T3 diễn ra nhanh, N sau đó đã can ngăn. Sau đó N đã lái xe đưa ông T3 đi cấp cứu. Lời khai của S có mâu thuẫn, không đáng tin cậy. N không có động cơ mục đích giết ông T3. Như vậy, N không có ý thức tước đoạt tính mạng của ông T3. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo không có ý định tước đoạt tính mạng của ông T3. Bị cáo khai báo thành khẩn, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra làm rõ tội phạm, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường 100.000.000 đồng cho gia đình bị hại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại đồng tình với kết luận điều tra, cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi của bị cáo S, N rất côn đồ. Bị cáo N không thừa nhận gọi điện thoại cho S để đánh ông T3 là không đúng. Lời khai của S phù hợp với lời khai của các nhân chứng C2, S1. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo N không thành khai nhận hành vi phạm tội của mình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo về hình phạt của đại diện người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho đại diện bị hại theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Văn S xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Ngọc N thừa nhận có gọi S xuống nhưng để đón bị cáo về, nếu vì nguyên nhân bị cáo gọi S xuống từ đó dẫn đến việc S đánh chết bị hại thì bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định tố tụng của các Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo đại diện người bị hại Hội đồng xét xử thấy như sau: Mặc dù trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Lê Ngọc N khai không gọi Nguyễn Văn S là con, N xưng là bố, không gọi Nguyễn Văn S đến chỗ Lê Ngọc N và ông Nguyễn Đỗ T3 đang ngồi, N không chỉ tay, đưa mắt nhìn về phía ông T3 để ra hiệu cho Nguyễn Văn S đánh ông T3. Bị cáo chỉ thừa nhận do bị anh T7 đánh vào mặt khi đang ngồi uống rượu nên N có dùng điện thoại gọi cho Nguyễn Văn S xuống để đưa N về cho yên tâm. Việc S đánh ông T3 là do hiểu nhầm. Lời sau cùng bị cáo trình bày nếu vì nguyên nhân bị cáo gọi S xuống từ đó dẫn đến việc S đánh chết bị hại thì bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận: Tối ngày 05/10/2021, Nguyễn Văn S cùng vợ là chị Vũ Thị Hải Y đang ngồi liên hoan tại nhà anh Chu Văn T8 ở số 1 Cầu T, phường S, thị xã S, Hà Nội thì nhận được điện thoại của Lê Ngọc N (vợ chồng S

nhận N là bố nuôi), N nói: “*Bố đang va chạm đánh nhau, con cho anh em xuống*”, S hiểu ý N là muốn S đến giúp đánh nhau nên đồng ý, S hỏi N đang ở đâu thì N trả lời “*đang ở Viện kiểm sát huyện P*”. S đã chở vợ về nhà rồi đi đến VKSND huyện Phúc Thọ. Khi đi S cầm theo 01 cây dao tự chế bằng kim loại sáng màu (dài 105cm, chuôi dao bằng ống tuýp đường kính 02cm, lưỡi dao bản rộng 10cm, phần mũi dao vát nhọn, lưỡi dao dài 37cm) bọc trong cái áo rồi gọi điện cho anh Lê Anh T9 là lái xe taxi BKS 30A-84.480 đến đón S, S để dao trên sàn xe, ghế sau. Trên đường đi S đã 03 lần gọi điện cho N hỏi vị trí của N để hướng dẫn đường đến trụ sở VKSND huyện Phúc Thọ. Khi anh Lê Anh T9 lái xe ô tô taxi chở S đến gần khu vực cổng VKSND huyện P thì S thấy N và ông T3 ngồi với nhau trên vỉa hè, chân ở dưới lòng đường. Thấy ông T3 nhiều tuổi nên S không mang chiếc dao xuống. S đi bộ đến gần chỗ N và ông T3 ngồi thấy N đánh mắt, chỉ ngón tay trở bàn tay phải về phía ông T3 ra hiệu cho S đánh ông T3. S hiểu ý của N nên đi thẳng đến đứng trước mặt ông T3, dùng chân đá thẳng một phát trúng mặt ông T3, làm ông T3 ngã ngửa người trên vỉa hè, S lên vỉa hè dùng chân phải đạp, đá nhiều lần vào đầu, mặt ông T3 đến khi ông T3 bất tỉnh mới thôi.

Việc vợ chồng S nhận N là bố nuôi nên S gọi N bằng bố. Giữa S và ông T3 không quen biết, không mâu thuẫn gì. Việc S đánh ông T3 là theo sự chỉ đạo của N. Lời khai của Nguyễn Văn S phù hợp với lời khai của những người làm chứng như chị Triệu Thị Đ, anh Ngô Văn C2, anh Lưu Văn K, anh Nguyễn Văn T7 đều xác nhận quá trình ăn uống do ông T3 mời N chén rượu, anh K rót rượu cho ông T3, thấy chén rượu của ông T10 có màu nhạt hơn, N nghi ngờ anh K cho ông T3 uống nước lã nên bị cáo N chửi anh K và cầm ly rượu ném vào mặt anh K, anh T7 thấy vậy đã dùng tay phải đập vào má trái của N thì được mọi người can ngăn. Chị Triệu Thị Đ, anh Ngô Văn C2 khai: “*Khi ở ngoài đường gần cổng Viện kiểm sát cỏ nhìn thấy N lấy từ trong xe ô tô của N ra chiếc túi đựng bánh kẹo trong xe ô tô của N ra dí vào mặt, đầu ông T3. Yêu cầu ông T3 gọi T7 ra xin lỗi N*”, phù hợp với lời khai nhận của Lê Ngọc N (BL 463-464): N và ông T3 nói chuyện với nhau ở vị trí đậu xe ô tô của N, N hỏi ông T3 “*Cái thằng vừa nãy đánh N là thằng nào, anh gọi nó quay lại đây nói chuyện*” N xác nhận có cầm chiếc túi dí vào người ông T3 vì lúc đó đang đôi co. Người làm chứng Nguyễn Thị S2 khai khi S đánh ông T3 làm ông T10 ngã ngửa, S tiếp tục dùng chân dẫm vào ngực, dẫm vào cổ ông T3 và chửi mắng ông T3 thì N giơ tay lên nói “*tạnh*” thì S không đánh nữa. Khi S đánh ông T3 thì N vẫn ngồi bên cạnh không có hành động can ngăn.

Như vậy căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn S, Lê Ngọc N, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, giám định pháp y, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 05/10/2021, tại bếp ăn của VKSND huyện Phúc Thọ ở ngõ D, đường L, thuộc tổ dân phố số B, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội có ông Nguyễn Đỗ T3, anh Kiều Duy C1, anh Nguyễn Đức T5, anh Nguyễn Thành T6, anh Lưu Văn K1, anh Ngô Văn C2, anh Kiều Anh T4, anh Nguyễn Anh D, anh Nguyễn Văn T7 (tên gọi

khác là T7 “đá”), chị Triệu Thị Đ và Lê Ngọc N tổ chức ăn liên hoan. Quá trình liên hoan, do nghi ngờ anh K1 cho ông T3 uống nước lã nên N chửi anh K1 và cầm chén rượu của mình ném vào mặt anh K1. Thấy vậy, T7 “đá” đã dùng tay phải dấm vào má trái của N thì được can ngăn và tất cả giải tán. N ra lái xe ô tô của mình về được một đoạn nhưng vẫn tức việc T7 “đá” đánh nên quay xe ô tô lại gọi ông T3 ra nói chuyện, yêu cầu ông T3 phải gọi T7 “đá” đến xin lỗi. Khi bị ông T3 từ chối, N gọi điện thoại cho con nuôi là Nguyễn Văn S và nói: *“Bố đang va chạm đánh nhau, con cho anh em xuống”*. S đồng ý và cầm theo 01 thanh đao rồi đi taxi đến VKSND huyện Phúc Thọ. Khi cách cổng VKSND huyện Phúc Thọ khoảng 40m thì S xuống đi bộ đến chỗ ông T3 và N đang ngồi. Thấy S đến, N đánh mắt, chỉ ngón tay trỏ bàn tay phải về phía ông T3. S hiểu là N ra tín hiệu bảo S đánh ông T3 nên S đã dùng chân phải đá 01 phát trúng mặt của ông T3 làm ông T3 ngã ngửa người, phần thân trên nằm ngửa trên vỉa hè, hai chân vẫn ở dưới lòng đường. S nhảy lên vỉa hè, dùng chân phải liên tiếp đạp, đá nhiều lần vào đầu, mặt ông T3 đến khi thấy ông T3 bất tỉnh. Lúc này, anh C2 chạy đến bảo N và S đưa ông T3 đi bệnh viện nên cả hai bế ông T3 lên xe ô tô của N rồi đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa thị xã S. Do thương tích nặng nên đến ngày 07/10/2021, ông T3 đã tử vong tại nhà ông T3 ở thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Hành vi của Lê Ngọc N và Nguyễn Văn S đã phạm vào tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là đúng bởi hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ vì nghi ngờ anh K1 rót rượu cho ông T3 uống là nước lã mà bị cáo N đã chửi anh K1, ném chén rượu vào mặt anh K1. Thấy vậy, anh T7 “đá” có dùng tay dấm vào má trái của N. Do bức tức nên N đã yêu cầu ông T3 phải gọi T7 “đá” ra nói chuyện xin lỗi. Khi bị ông T3 từ chối bị cáo N đã gọi điện cho S nói đang bị va chạm và cho anh em xuống. N cũng là người ra hiệu, chỉ tay vào ông T3 để S đánh. Bị cáo S đã dùng chân đá, đạp nhiều cái vào đầu, mặt ông T3 tước đoạt tính mạng của ông T3. Hành vi của các bị cáo đã tước đoạt tính mạng của ông T3, gây đau thương cho gia đình nạn nhân.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án như bị cáo N là người khởi xướng, chỉ đạo bị cáo S đánh ông T3. Bị cáo S là người trực tiếp dùng chân đá, đạp nhiều cái vào đầu, mặt ông T3 là những bộ phận trọng yếu trên cơ thể ông T3, tước đoạt tính mạng của ông T3. Hành vi của các bị cáo mang tính côn đồ.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình khai báo tại cơ quan điều tra bị cáo S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng.

Bị cáo Lê Ngọc N được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng, bởi trước khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo N nộp số tiền khắc phục một phần hậu quả là 100.000.000 đồng tại Cục thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội, gia đình bị cáo có công với cách mạng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp tại cơ quan thi hành án số tiền 100.200.000 là một phần tiền bồi thường dân sự và án phí hình sự sơ, ông bà nội của bị cáo là ông Nguyễn Văn T11 và bà Nguyễn Thị Đ1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, do đó Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo S.

Gia đình bị cáo Lê Ngọc N đã tự nguyện nộp hết số tiền bồi thường và tiền án phí như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định, bị cáo có xác nhận của cơ quan công an năm 2014 bị cáo có công tố giác tội phạm, ủng hộ khẩu trang cho các xã H và V trong thời kỳ chống dịch Covid 19, bố bị cáo là ông Lê Văn M được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất.

Mặc dù có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình của các bị cáo (lời sau cùng bị cáo N xin giảm hình phạt)

Về kháng cáo đề nghị xử tăng hình phạt tù chung thân lên tử hình đối với bị cáo Lê Ngọc N của đại diện người bị hại, Hội đồng xét xử thấy mặc dù trong vụ án này người bị hại không có lỗi. Tuy nhiên sau khi S đá, đập ông T3 thì ngay sau đó các bị cáo cũng đã bế ông T3 lên xe ô tô của N rồi đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa thị xã S, do đó mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo N và S là đúng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, do đó cần giữ nguyên mức hình Tù chung thân đối với bị cáo N

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp cho người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản: Thu nhập bị mất: 30.000.000 đồng x 12 tháng = 360.000.000 đồng; Chi phí khám, điều trị: 60.000.000 đồng; Chi phí mai táng, xây mộ: 100.000.000 đồng; Chi phí thuê sư thầy cúng lễ: 85.000.000 đồng; Tồn thất tinh thần: 1.490.000 đồng x 100 tháng lương cơ sở = 149.000.000 đồng. Tổng cộng các bị cáo phải bồi thường: 754.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho người bị hại, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận các khoản chi phí hợp lý sau: Chi phí khám, điều trị: 60.000.000 đồng; Chi phí mai táng: 100.000.000 đồng; Tiền tồn thất tinh thần đối với bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Đỗ Q, Nguyễn Trường G: 1.490.000 đồng x 100 tháng lương cơ sở = 149.000.000 đồng. Tổng cộng: 309.000.000 đồng, số tiền này cần buộc Lê Ngọc N, Nguyễn Văn S phải liên đới bồi thường là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện người bị hại cũng không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ cho Hội đồng xét xử làm căn cứ tăng phần trách nhiệm dân sự.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, của đại diện người bị hại, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc N và Nguyễn Văn S (L1), của đại diện người bị hại; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 468/2022/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc N và Nguyễn Văn S (L1) phạm tội “Giết người”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S (L1) Tử hình. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Ngọc N tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự: Buộc Lê Ngọc N, Nguyễn Văn S phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị T2 (người đại diện hợp pháp của người bị hại) do anh Nguyễn Đỗ Q là đại diện theo uỷ quyền số tiền 309.000.000 đồng. Chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 154.500.000 đồng.

Xác nhận gia đình bị cáo Lê Ngọc N đã nộp số tiền phải bồi thường, tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 157.225.000 đồng, gồm 100.000.000 đồng tại Biên lai số 0065599 ngày 15/11/2022 Cục thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội (nộp trước ngày xét xử sơ thẩm) và 57.225.000 đồng tại Biên lai số 0069873 ngày 20/3/2023 của Cục thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội (do chị Đặng Thị Bích L nộp).

Xác nhận gia đình bị cáo Nguyễn Văn S nộp số tiền bồi thường là 100.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0069877 ngày 20/3/2022 của Cục thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội (do chị Vũ Thị Hải Y nộp). Số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục thi hành.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà người phải thi hành án (bị cáo S) không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường

hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Về án phí:

Các bị cáo Lê Ngọc N, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn S có quyền gửi đơn lên Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội ;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- TTG số 1 - Công an Tp Hà Nội;
- Các bị cáo (qua trại);
- ĐDBH (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng